

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỂ THAO THIÊN AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỂ THAO THIÊN AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN AN SPORT AND SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THIEN AN SPORT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106949736

**3. Ngày thành lập:** 24/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô CC2 khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985.219.992

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                     | 5210     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá; bãi để xe đạp, xe máy;<br>- Lai dắt, cứu hộ đường bộ. | 5221     |
| 3.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                      | 4763     |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                | 5610     |
| 5.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                         | 5630     |
| 6.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác ;                                                                                                          | 4511     |
| 7.  | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                    | 4512     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | <p>Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô: Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động, bảo dưỡng thông thường, sửa chữa thân xe ; Sửa chữa các bộ phận của ô tô ; Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn ; Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô ; Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế ; Xử lý chống gỉ; Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.</p> <p>- Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động ; Bảo dưỡng thông thường ; Sửa chữa thân xe ; Sửa chữa các bộ phận của ô tô ; Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn ; Sửa tấm chắn và cửa sổ ; Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô ; Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế ; Xử lý chống gỉ ; Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.</p> <p>- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác: Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác; Bảo dưỡng thông thường; Sửa chữa thân xe; Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn; Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế; Xử lý chống gỉ; Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất;</p> | 4520 |
| 9.  | <p>Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác ;</p> <p>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4530 |
| 10. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4541 |
| 11. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4542 |
| 12. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4543 |
| 13. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4633 |
| 14. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;</p> <p>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;</p> <p>- Bán buôn dụng cụ y tế;</p> <p>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;</p> <p>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649 |
| 15. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;</p> <p>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4659 |
| 16. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8230 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299 |
| 18. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8551 |

